

Thành tựu và vấn đề trong đảm bảo quyền con người của Việt Nam

Nguyễn Anh Cường*, Nguyễn Duy Quý**, Đặng Văn Khoa***

Nhận ngày 23 tháng 1 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 3 năm 2023.

Tóm tắt: Quyền con người có ý nghĩa quan trọng trong nghiên cứu lý luận và thực tiễn của từng quốc gia, là mối quan tâm chung của cả cộng đồng quốc tế. Thực tiễn chứng minh rằng sự đảm bảo bằng pháp luật là một trong những điều kiện quan trọng nhất để các quyền con người, quyền công dân được thực hiện. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thường được biết đến có những đặc trưng đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân, được chế ước trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Nhưng những đặc trưng đó là thế nào và làm thế nào nó có thể đảm bảo được cho quyền con người ở Việt Nam? Trong quá trình đảm bảo quyền con người đó thì vấn đề gì cần quan tâm giải quyết? Để trả lời những câu hỏi đó, bài viết mô tả, phân tích những quy định của pháp luật, cũng như những thành tựu về đảm bảo quyền con người mà Việt Nam đạt được. Ngoài ra, nghiên cứu còn mang lại cái nhìn tổng quan về thực trạng bảo đảm quyền con người ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Đặc trưng bảo đảm quyền con người, Nhà nước Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam, Hiến pháp, pháp luật Việt Nam.

Phân loại ngành: Chính trị học

Abstract: An issue of concern to the international community is human rights, which have an indispensable place in theoretical and applied research in every nation. Applying this principle has demonstrated that the guarantee provided by law is one of the essential prerequisites for actualizing civil and human rights. In Vietnam, the socialist rule-of-law state is well-known for its characteristics that ensure the people hold power. These characteristics are codified within the Constitution and the country's legal framework. Nevertheless, what are these characteristics, and how can they ensure respect for human rights in Vietnam? What aspects of human rights protection require attention from us as a society? The provisions of the law and the achievements that Vietnam has made in ensuring human rights are described and analyzed in the article to answer the questions raised. In addition, the study presents a general summary of the current situation regarding the protection of human rights in Vietnam.

Keywords: Features of ensuring human rights, The State of Vietnam, Communist Party of Vietnam, Constitution and laws of Vietnam

Subject classification: Political science

1. Đặt vấn đề

Với truyền thống cổ kết cộng đồng, trải qua lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chỉ ra rằng nước nhà có độc lập thì người dân Việt Nam mới có quyền tự do. Thực tiễn ở Việt Nam, quá trình giải quyết vấn đề quyền con người là thông qua quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, quyền con người chỉ có trong độc lập dân tộc. Quan điểm xuyên suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày thành lập đến nay luôn coi con người là mục tiêu, động lực của sự phát triển quốc gia, dân tộc. Là thành viên có trách nhiệm của Liên Hợp Quốc, Nhà nước Việt

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Email: nguyenganhcuong@ussh.edu.vn

** Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.

*** Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

Nam đã tham gia tích cực trong nhiều hoạt động chung của cộng đồng quốc tế trong việc bảo vệ, thúc đẩy và bảo đảm các vấn đề liên quan đến quyền con người. Quan điểm và chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử là tôn trọng, và bảo đảm quyền con người: “Quyền con người là phẩm giá, nhu cầu, lợi ích và năng lực vốn có ở con người, được pháp luật ghi nhận, nhằm tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy quyền sống, tự do, hạnh phúc của mỗi con người và dân tộc Việt Nam” (Nguyễn Thanh Tuấn, 2014: 17). Nội dung bảo đảm quyền con người ở Việt Nam được khẳng định, trong Tuyên ngôn Độc lập năm 1945: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do” (Hồ Chí Minh, 2011: 581) và được chế định trong Hiến pháp năm 1946: “Tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện: chính trị, kinh tế, văn hóa” (Quốc hội, 2012: 13).

Với phương pháp phân tích tài liệu liên quan đến nội dung về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, quyền con người, đảm bảo quyền con người được thể hiện qua các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam và pháp luật của Nhà nước, nghiên cứu sẽ tập trung vào một số nội dung chính như: (1) Đặc trưng đảm bảo quyền con người của Nhà nước Việt Nam; (2) Thành tựu đạt được trong đảm bảo quyền con người ở Việt Nam; (3) Vấn đề đặt ra trong bảo đảm quyền con người ở Việt Nam.

2. Đặc trưng đảm bảo quyền con người của Nhà nước Việt Nam

Theo quy định tại Hiến pháp năm 2013, bản chất và đặc điểm của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được cụ thể hóa: “Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân” (Quốc hội, 2021: 9). Từ bản chất nói trên, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã xây dựng và thực thi thể chế liên quan đến quyền con người, cụ thể:

Thứ nhất, đường lối, chủ trương, Hiến pháp, pháp luật và những chính sách liên quan đến lĩnh vực quyền con người không ngừng được bổ sung, hoàn thiện, thể hiện qua: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 và Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011. Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013, Chiến lược phát triển kinh tế xã hội qua các giai đoạn 1991-2000, 2001-2010 và 2011-2020.

Thứ hai, những đường lối chủ trương, chính sách pháp luật riêng về quyền con người được thể hiện qua: Chỉ thị 12/CT/TW ngày 12/07/1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa VII) về *Vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam*; Chỉ thị số 41/2004/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 02/12/2004 về *Tăng cường công tác bảo vệ, đấu tranh về nhân quyền trong tình hình mới* và Chỉ thị số 44-CT/TW ngày 20/07/2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *Công tác nhân quyền trong tình hình mới*.

Trong giai đoạn thực hiện Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011, nội dung quyền con người được tiếp cận dựa trên hai phương diện: con người là mục tiêu, đồng thời là động lực của công cuộc đổi mới. Điều kiện để đảm bảo quyền con người ở Việt Nam chính là hoàn thiện mô hình Nhà nước pháp quyền, xây dựng thành công nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Là chủ thể trong xã hội đó “con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc có điều kiện phát triển toàn diện” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011: 70).

Hầu hết những quan điểm đề cập đến chủ thể đảm bảo quyền con người ở Việt Nam đều nhấn mạnh: “Nhà nước quy định và bảo vệ các quyền con người, quyền công dân, chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011: 85). Bên cạnh đó Nhà nước: “Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011: 86). Mặt khác, ở Việt Nam quyền con người và quyền dân tộc là thống nhất, có sự hài hòa giữa lợi ích cá nhân với lợi ích toàn xã hội, thể hiện qua: “Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011: 86). Trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng khẳng định: “Nhà nước khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với giảm nghèo bền vững. Có chính sách điều tiết hợp lý thu nhập trong xã hội” và “hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011: 79).

Những quan điểm liên quan đến quyền con người trong Cương lĩnh năm 1991 và Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 được thể chế hóa trong Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013 với nhiều điểm tiến bộ, thể hiện:

Một là, khẳng định chủ quyền của nhân dân trong xây dựng và thực thi Hiến pháp năm 2013. Trong lời nói đầu của Hiến pháp năm 2013 quy định: “Nhân dân Việt Nam xây dựng, thi hành và bảo vệ Hiến pháp này vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” (Quốc hội, 2021: 8). Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định: quyền lập hiến là quyền của nhân dân, nội dung trên được khẳng định lại tại Điều 2: “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân”, nhân dân là chủ nhân của đất nước, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. “Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước” (Quốc hội, 2021: 11).

Hai là, cụ thể hóa chủ thể về nội dung quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Mở rộng nội hàm chủ thể quyền từ nội hàm “công dân” trong Hiến pháp 1992 đến Hiến pháp năm 2013 chủ thể quyền là “mọi người”, “tổ chức” hay nhóm xã hội và cộng đồng, trong đó có nhóm người dễ bị tổn thương trong xã hội. Về nội dung quyền: Hiến pháp năm 2013 cũng được mở rộng thông qua việc dành hẳn một chương chế định quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân với 36/120 điều. Những quy định về hạn chế quyền cũng được chế định trong Hiến pháp năm 2013 tại khoản 2 Điều 14: “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng (Quốc hội, 2021: 17). Việc quy định về hạn chế quyền ngay trong Hiến pháp là sự cần thiết để đảm bảo các quyền con người, quyền công dân được thực hiện minh bạch, phòng ngừa khả năng bị hạn chế quyền một cách tùy tiện bởi các cơ quan công quyền. Về nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi người, mỗi công dân cũng được Hiến pháp năm 2013 hiến định: “Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác; Công dân có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội; Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác” (Quốc hội, 2021: 17).

Ba là, để phù hợp với những quy định của Hiến pháp năm 2013 Nhà nước Việt Nam tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Trong thời gian gần đây, theo cách tiếp cận của cộng đồng quốc tế về quyền con người: “công dân và mọi người được hưởng các quyền con người một cách mặc nhiên và Nhà nước có nghĩa vụ công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp và pháp luật” (Nguyễn Thanh Tuấn, 2014: 154). Kế thừa Hiến pháp năm 1946, tinh hoa tư tưởng quyền con người của nhân loại trong Hiến pháp năm 2013, khoản 1 Điều 14 quy định: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật” (Quốc hội, 2021: 16).

Thứ nhất, trong Nhà nước pháp quyền: “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp” (Quốc hội, 2021: 9).

Thứ hai, thượng tôn Hiến pháp và pháp luật: “Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật” (Quốc hội, 2021: 10). Hiến pháp quy định những nội dung nền tảng cho toàn bộ hệ thống luật pháp của chế độ xã hội, những nội dung được hiến định vừa được thực hiện một cách trực tiếp, vừa được cụ thể hóa trong các bộ luật hoặc luật để thực hiện phù hợp với đòi hỏi thực tế xã hội. “Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật. Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân” (Quốc hội, 2021: 12).

Thứ ba, sự bình đẳng của mọi cá nhân, tổ chức trong thụ hưởng và phát triển các quyền, không phân biệt đối xử, trước hết trong việc quản lý nhà nước và xã hội. Trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, các cá nhân đều bình đẳng trước pháp luật: “Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội” (Quốc hội, 2021: 17).

Thứ tư, Đảng Cộng sản Việt Nam nắm quyền lãnh đạo trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật: “Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình (Quốc hội, 2021: 10).

Thứ năm, bảo đảm, thúc đẩy quyền con người, được pháp luật và các chủ thể trong xã hội, trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trong khuôn khổ luật pháp. “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng” (Quốc hội, 2021: 17).

Trên tinh thần tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, Nhà nước Việt Nam ngày càng có nhiều quy định mở rộng những nội dung liên quan đến quyền con người trong các lĩnh vực đời sống. Nhà nước pháp quyền cùng các thiết chế xã hội, công dân là chủ thể có trách nhiệm trong thực thi những nội dung liên quan đến quyền con người.

3. Thành tựu đạt được trong bảo đảm quyền con người ở Việt Nam

Cách mạng tháng Tám thành công, với việc xác lập Nhà nước Dân chủ Cộng hòa, chế độ dân chủ được thể hiện qua việc hàng loạt đạo luật ra đời. Nhờ quá trình thực hiện dân chủ, quyền con người, quyền công dân ngày càng được mở rộng thông qua Hiến pháp và hệ thống pháp luật. Có thể thấy: “Ở Việt Nam, việc ghi nhận, đảm bảo và phát triển quyền con người, quyền công dân đã tạo ra động lực to lớn trong sự phát triển của đất nước qua các thời kỳ cách mạng, khẳng định giá trị của xã hội mới, sự tiến bộ trong lịch sử dân tộc” (Đoàn Trường Thụy, 2019: 163), thể hiện qua:

2.1. Tôn trọng, thúc đẩy và bảo vệ các quyền dân sự, chính trị

Thứ nhất, đảm bảo quyền con người thể hiện qua các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do thông tin. “Với việc tổ chức lấy ý kiến công khai Dự thảo Hiến pháp sửa đổi năm 1992 và nhận được 26 triệu ý kiến đóng góp là minh chứng rõ nét về tự do ngôn luận, bày tỏ chính kiến đối với những vấn đề trọng đại của đất nước” (Nguyễn Thanh Tuấn, 2014: 165). Trong thời gian gần đây với việc Đài Tiếng nói Việt Nam đã phủ sóng 99% diện tích lãnh thổ. Trên 90% hộ gia đình bắt được sóng Đài Truyền hình Việt Nam. Ngoài ra với việc thông qua Luật tiếp cận thông tin (2016) góp phần cụ thể hóa những quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền được thông tin của người dân. Bên cạnh đó, người dân được tiếp cận với 70 kênh truyền hình nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam. Mặt khác, báo chí (báo in, báo điện tử) trở thành diễn đàn ngôn luận của các tổ chức xã hội, nhân dân, là công cụ quan trọng trong việc bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của công dân. Về số người dùng Internet ở Việt Nam theo khảo sát do We are social và Kepios công bố đầu năm 2022: “Việt Nam có 76,95 triệu người dùng mạng xã hội” (Nguyễn Thị Trường Giang, Nguyễn Thị Thu, 2022). Với khả năng tiếp cận đồng đảo người dùng, mạng xã hội đã chứng minh hiệu quả trong việc truyền thông hình ảnh các doanh nghiệp, công cụ đắc lực cho hoạt động truyền thông chính sách của Chính phủ, tiếp cận thông tin của người dân.

Thứ hai, về quyền của các nhóm tôn giáo tín ngưỡng. Việt Nam là quốc gia đa tín ngưỡng, tôn giáo với 95% dân số có đời sống tín ngưỡng, tôn giáo, với hơn 26,5 triệu tín đồ các tôn giáo (chiếm 27% dân số). Cả nước có khoảng 29.000 cơ sở thờ tự, 53 cơ sở đào tạo tôn giáo (Nguyễn Văn Bảy, 2021). Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của con người. Các quyền nói trên được ghi nhận trong Hiến pháp 2013, Luật Tín ngưỡng,

tôn giáo năm 2016 và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo, đã góp phần tạo khuôn khổ pháp lý cho việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Thứ ba, quyền tự do hội họp, lập hội. Quyền tự do hội họp, lập hội được đảm bảo bởi các văn bản quy phạm pháp luật: Nghị định 45/2010/NĐ-CP ngày 21/04/2010 của Thủ tướng Chính phủ Về Tổ chức, hoạt động và quản lý hội nhằm tạo cơ sở pháp lý cho công dân, tổ chức ở Việt Nam được thành lập hội và cơ chế chính sách cho hoạt động của các hội. Bên cạnh đó Hiến pháp năm 2013 quy định: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định” (Quốc hội, 2021: 21).

2.2. Tôn trọng, thúc đẩy và bảo vệ các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa

Thứ nhất, quyền có việc làm. Quyền tự do việc làm là quyền cơ bản của mỗi công dân. Việc làm không chỉ là tiêu chí cần để có thu nhập phục vụ nhu cầu của mỗi công dân mà nó còn là tiêu chí để đánh giá một đất nước, một xã hội phát triển. Theo Tổng cục Thống kê, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý III năm 2022 là 51,9 triệu người. Trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ quý III năm 2022 là 26,3%, tương đương 13,5 triệu lao động (Tổng cục Thống kê, 2022). Để tạo việc làm, Nhà nước chú trọng đào tạo nghề cho người lao động, thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, phát triển mạng lưới cơ sở dịch vụ việc làm. Ngoài ra, Chính phủ còn chú trọng củng cố hệ thống chính sách pháp luật về lao động, phát triển thị trường lao động. Trong đó, việc sửa đổi Bộ luật Lao động (2019), Chính sách về bảo hiểm thất nghiệp giữ vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện khung pháp lý trong lĩnh vực lao động, việc làm.

Thứ hai, quyền có bảo hiểm xã hội. Thực tiễn cho thấy rằng Việt Nam đã ngày càng hoàn thiện chính sách về lao động việc làm, thực hiện chế độ bảo hiểm bắt buộc, bảo hiểm tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT), giảm nghèo và hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Tính đến hết tháng 5/2022, tổng số người tham gia Bảo hiểm xã hội (BHXH) cả nước là trên 16,7 triệu người, đạt tỷ lệ bao phủ 33,81% lực lượng lao động trong độ tuổi. Trong đó, số người tham gia BHXH bắt buộc đạt trên 15,4 triệu người, số người tham gia BHXH tự nguyện gần 1,3 triệu người. Tính đến hết tháng 5, cả nước có trên 13,7 triệu người tham gia BHTN với tỷ lệ bao phủ 27,75% lực lượng lao động, đạt trên 90,3% kế hoạch của ngành. Số người tham gia BHYT trên 86,2 triệu người và đạt 87,15% dân số tham gia BHYT và đạt 94% kế hoạch của ngành BHXH Việt Nam (Hà My, 2022).

Thứ ba, quyền được chăm sóc sức khỏe. Quyền chăm sóc sức khỏe là một quyền con người quan trọng, là cơ sở để thực hiện nhiều quyền con người khác và việc thực hiện nó cũng gắn liền với các quyền con người khác như: quyền dân sự, chính trị, quyền sống, quyền việc làm, quyền được giáo dục, quyền tiếp cận thông tin. Quyền về chăm sóc sức khỏe được quy định cụ thể tại Điều 38 Hiến pháp Việt Nam năm 2013: “Mọi người có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế và có nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh. Nghiêm cấm các hành vi đe dọa cuộc sống, sức khỏe của người khác và cộng đồng” (Quốc hội, 2021: 27). Mặt khác, Nhà nước Việt Nam đã ban hành hệ thống các văn bản pháp luật phù hợp với pháp luật quốc tế về quyền được chăm sóc sức khỏe của con người, cụ thể: Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân năm 1989, Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009, Luật Bảo hiểm Y tế sửa đổi bổ sung năm 2014, Luật Dược năm 2016. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để bảo đảm thực hiện quyền chăm sóc sức khỏe trên thực tế ở Việt Nam. Thời gian gần đây 100% xã có trạm y tế, 74% xã có bác sĩ. Việt Nam có nhiều nỗ lực trong cải thiện tình trạng sức khỏe bà mẹ, thu hẹp sự khác biệt về tử vong mẹ và các chỉ tiêu sức khỏe bà mẹ giữa các vùng miền. Trong đó, giảm tỉ số tử vong mẹ xuống còn 42/100.000 trẻ, trong đó vùng khó khăn xuống còn 70/100.000 trẻ (Hà Thanh, 2021).

Thứ tư, quyền được giáo dục. Quyền được giáo dục được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm với nhiều chính sách nhất quán, bảo đảm cho quyền này được thực thi trên thực tế, xem đây là nhiệm vụ, động lực quan trọng trong xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Đảng Cộng sản Việt Nam coi: “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của

toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2013). Hiến pháp năm 2013 ghi nhận quyền về giáo dục và đào tạo, khẳng định: “Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập” (Quốc hội, 2021: 27). Để hiện thực hóa mục tiêu và chính sách về giáo dục, Luật Giáo dục (2019) tiếp tục khẳng định: “Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, đặc điểm cá nhân, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập. Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo môi trường giáo dục an toàn, bảo đảm giáo dục hòa nhập, tạo điều kiện để người học phát huy tiềm năng, năng khiếu của mình” (Quốc hội, 2019). Ngành giáo dục đã đạt được nhiều thành quả quan trọng: Giáo dục mầm non đạt chuẩn phổ cập cho trẻ 5 tuổi. Kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và xóa mù chữ được duy trì. Quy mô giáo dục nghề nghiệp ngày càng tăng, chất lượng được cải thiện. Quản lý, quản trị đại học có chuyển biến tích cực; chất lượng giáo dục đại học từng bước được nâng cao; số công trình khoa học được công bố trong nước và quốc tế tăng mạnh. Nhiều cơ sở giáo dục ngoài công lập có bước phát triển khá cả về quy mô và chất lượng (Lê Hà, 2020).

Rõ ràng qua gần 40 năm thực hiện sự nghiệp Đổi mới toàn diện đất nước, việc bảo đảm ngày càng tốt hơn các quyền và tự do của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực chính trị, dân sự, kinh tế, xã hội và văn hóa đã trở thành mục tiêu nhất quán, là động lực xuyên suốt của mọi chủ trương, chính sách của Nhà nước Việt Nam.

3. Vấn đề đặt ra trong đảm bảo quyền con người ở Việt Nam

Những năm gần đây Việt Nam đã đạt được những thành tựu trong lĩnh vực thúc đẩy, bảo vệ quyền con người, thể hiện qua việc sau khi Việt Nam là thành viên của Liên Hợp Quốc (năm 1977), Việt Nam đã tích cực, chủ động tham gia vào các công ước quốc tế về quyền con người của Liên Hợp Quốc. Tính đến nay, Việt Nam đã phê chuẩn, gia nhập 7/9 công ước cơ bản của Liên Hợp Quốc về quyền con người; phê chuẩn, gia nhập 25 công ước của ILO, trong đó có 7/8 công ước cơ bản. Việt Nam hiện là 1 trong 14 quốc gia là thành viên Hội đồng nhân quyền Liên Hợp Quốc nhiệm kỳ 2023-2025, đây là lần thứ 2 Việt Nam được bầu vào cơ quan này. Bên cạnh việc tham gia các điều ước quốc tế về quyền con người, Nhà nước Việt Nam đã nỗ lực xây dựng hệ thống pháp luật quốc gia, trong đó tích cực nội luật hóa các nguyên tắc, tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người. Trong đó, Hiến pháp năm 2013 là dấu ấn hoạt động lập hiến về quyền con người, khi dành 36 điều trong tổng số 120 điều để quy định quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, cùng với các luật, bộ luật được ban hành đã tạo khuôn khổ pháp lý cho việc tôn trọng, thúc đẩy và bảo vệ quyền con người.

Tuy nhiên cũng phải thấy rằng pháp luật của Việt Nam về quyền con người hiện vẫn đang trong quá trình tiếp tục hoàn thiện, cùng với những hạn chế trong việc thực thi luật ở Việt Nam đã gây ra những thách thức nhất định đối với việc bảo đảm quyền con người, cụ thể như:

Thứ nhất, hạn chế của một bộ phận cán bộ, viên chức trong cơ quan hành chính Nhà nước khi nhận thức về quyền con người. Quyền con người là vấn đề có nội dung rộng lớn, phức tạp, luôn có sự thay đổi. Hơn nữa, ở Việt Nam đây vẫn là vấn đề mới. Thực tiễn cho thấy một bộ phận cán bộ nhà nước, kể cả trung ương và địa phương nhận thức về quyền con người vẫn còn hạn chế, bất cập, dẫn đến có những hành động cố ý hoặc vô ý vi phạm các quyền hợp pháp của công dân.

Thứ hai, hạn chế trong lãnh đạo, quản lý, giải quyết các vấn đề quyền con người. Hệ thống chính sách ở Việt Nam hiện nay chưa khuyến khích và tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức sẵn sàng áp dụng những biện pháp quản lý hiện đại, thực hành dân chủ, công khai, minh bạch phù hợp với cách tiếp cận dựa trên quyền con người. Một trong những hạn chế trong lãnh đạo, quản lý nhà nước tồn tại trong nhiều năm nhưng chậm được giải quyết, đó là tình trạng chậm ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành luật, việc chậm trễ ban hành tạo khoảng trống pháp lý ngày càng lớn. Cụ thể: “Tính từ ngày 1/10/2021 đến ngày 1/8/2022, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ có nhiệm vụ xây dựng, ban hành 110 văn bản quy định chi tiết. Đối với 70/110 văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết có hiệu lực trước ngày 1/8/2022 đã ban hành được 59/70 văn bản, còn lại 11/70

văn bản nợ, chưa ban hành. Trong số 11 văn bản nợ chưa ban hành có 02 văn bản (01 quyết định, 01 nghị định) quy định chi tiết của 02 luật chậm ban hành so với thời điểm luật có hiệu lực là hơn 03 năm. Trong số các văn bản đã ban hành, có 01 văn bản chậm ban hành 03 năm 08 tháng so với thời điểm luật có hiệu lực, số các văn bản được ban hành để có hiệu lực đồng thời với thời điểm có hiệu lực của luật, pháp lệnh, nghị quyết mới chỉ đạt 25/59 văn bản (chiếm 42,37%) (Lê Anh, 2022).

Thứ ba, hạn chế trong thụ hưởng quyền con người. Trong thời gian gần đây, do tác động của đại dịch Covid-19, khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu, số người thất nghiệp, khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư, các vùng miền còn lớn. Nhiều loại hình tội phạm xuyên quốc gia ma túy, mại dâm, tình trạng lây nhiễm HIV/AIDS có chiều hướng gia tăng, môi trường sống ô nhiễm. Thực tế nói trên gây ra nhiều khó khăn cho các cơ quan từ trung ương đến địa phương trong việc hoạch định, thực thi các chính sách cụ thể nhằm thúc đẩy, bảo vệ các quyền cơ bản của người dân. Là một quốc gia đang phát triển, Việt Nam đang đối mặt với vấn đề thiếu hụt các nguồn lực quan trọng dành chiến lược phát triển quốc gia, đặc biệt trong việc triển khai các chính sách hỗ trợ và đảm bảo các quyền của những nhóm xã hội dễ bị tổn thương. Ngoài ra, những biến động của môi trường quốc tế cũng tạo ra những thách thức đối với quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam trên lĩnh vực quyền con người. Hiện nay, xuất phát từ nhiều lý do khác nhau, các thế lực cực đoan trong chính giới ở một số nước ở phương Tây, các tổ chức phản động người Việt Nam ở nước ngoài như: “Việt Tân, Chính phủ Việt Nam tự do, Đảng nhân dân hành động, Hiệp hội đoàn kết công nông, Ủy ban bảo vệ quyền làm người Việt Nam, Ủy ban tự do tôn giáo cho Việt Nam; một số tổ chức phi chính phủ quốc tế như Theo dõi nhân quyền (HRW), Ân xá quốc tế (AI), Phóng viên không biên giới (RSF), Ngôi nhà tự do (FH) thường xuyên vu cáo, xuyên tạc tình hình nhân quyền Việt Nam, bằng việc ra bản phúc trình hàng năm về nhân quyền” (Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011).

Những vấn đề trên đang đặt ra đòi hỏi cấp bách cho việc sớm tìm ra những giải pháp thích ứng nhằm mở rộng nhận thức về quyền con người, tạo ra cơ chế khuyến khích cho người lãnh đạo dám nghĩ, dám làm những việc có lợi cho con người và vì con người, thông tin rộng rãi cho mọi người dân hiểu được những giá trị của quyền con người mà họ đang và tiếp tục có được ở Việt Nam.

4. Kết luận

Quyền con người là giá trị cao cả của nhân loại, mang tính phổ quát, nhưng đồng thời cũng phụ thuộc vào đặc thù của từng quốc gia, dân tộc. Trong tiến trình xây dựng, phát triển đất nước, vấn đề quyền con người, pháp luật về quyền con người trở thành một nội dung rất quan trọng trong chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Sau khi giành độc lập dân tộc vào năm 1945, Hiến pháp năm 1946, tiếp theo là Hiến pháp năm 1959 đã ghi nhận các quyền con người. Sau ngày đất nước thống nhất, trở thành thành viên của Liên Hợp Quốc vào năm 1977, Việt Nam tích cực tham gia vào hệ thống pháp luật quốc tế về quyền con người. Từ năm 1986 đến nay, Việt Nam có bước phát triển ấn tượng về kinh tế - xã hội, không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Quá trình đổi mới đặt ra nhu cầu công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Gần đây với sự nỗ lực của Đảng và Nhà nước, hệ thống pháp luật của Việt Nam nói chung, pháp luật về quyền con người nói riêng ngày càng được hoàn thiện. Trong đó có Hiến pháp năm 2013, Hiến pháp tiếp tục tạo cơ sở pháp lý quan trọng để mọi người có cơ hội và điều kiện thuận lợi thụ hưởng quyền con người.

Tuy nhiên, một trong những thách thức lớn nhất Việt Nam đang đối diện đó là đất nước đang trong quá trình phát triển, với thu nhập trung bình, do đó, ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ bảo đảm quyền con người thực sự gặp nhiều khó khăn, nhất là nhóm quyền kinh tế, xã hội, văn hóa. Bên cạnh đó, Việt Nam hiện nay vẫn chưa có một cơ quan chuyên trách và độc lập trong việc thúc đẩy thực hiện và bảo vệ quyền con người. Điều này làm cho cơ chế đảm bảo quyền con người hoạt động không thường xuyên, không có trọng tâm và chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Bên cạnh đó, Việt Nam vẫn còn thiếu quy định chặt chẽ để ràng buộc trách nhiệm trong vấn đề tố cáo các vi phạm quyền con người. Ngoài ra, tư duy của một bộ phận cán bộ đảng viên, lãnh đạo các cấp vẫn

chính trị hóa quyền con người, xem đây là vấn đề nhạy cảm, xem nhẹ việc bảo vệ, ít quan tâm thực chất đến nhân quyền, không xem đó như vấn đề thiết thực trong đời sống hàng ngày. Mặt khác, các thể lực phản động thù địch tiếp tục sử dụng chiêu bài “dân chủ” và “nhân quyền”, tự do, tôn giáo, dân tộc, bình đẳng để gây sức ép, phá hoại, kích động bạo lực, bất ổn xã hội. Do đó việc đưa ra được những quy định và giải pháp hiệu quả bền vững, phát huy được những giá trị tích cực và hạn chế tiêu cực trong vấn đề nhân quyền chính là yêu cầu cần được tiếp tục nghiên cứu mà bài viết này chưa có điều kiện giải quyết.

Tài liệu tham khảo

- Ban Bí thư Trung ương Đảng. (1992). *Chỉ thị số 12/CT-TW ngày 12/7/1992 về Vấn đề quyền con người và quan điểm chủ trương của Đảng ta*. Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*. <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/doi-moi-can-ban-toan-dien-gd-va-dt.aspx?ItemID=3928>
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Đoàn Trường Thọ. (2019). *Quyền con người trong tiến bộ xã hội*. Nxb. Lý luận chính trị.
- Hà My. (08/6/2022). Số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tăng trưởng khả quan. *Thời báo Tài chính Việt Nam*. <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/so-nguoi-tham-gia-bao-hiem-xa-hoi-bao-hiem-y-te-tang-truong-kha-quan-106571.html>
- Hà Thanh. (2021). Giảm tỉ suất tử vong sơ sinh xuống dưới 9%. *Tuổi trẻ online*. <https://tuoitre.vn/giam-ti-suat-tu-vong-so-sinh-xuong-duoi>
- Hồ Chí Minh toàn tập*. 2011. t.8. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật. 2011.
- Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội. (2011). *Tư tưởng về quyền con người: Tuyển tập tư liệu thế giới và Việt Nam*. Nxb. Lao động xã hội.
- Lê Anh. (2022). Cần sớm khắc phục triệt để tình trạng chậm ban hành văn bản hướng dẫn thi hành luật. *quochoi.vn*. <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/danh-sach-tin-tuc.aspx?ItemID=68436&CategoryId=0>
- Lê Hà. (31/10/2020). Ngành giáo dục đạt được nhiều thành tựu trong một năm học đặc biệt. *Nhân dân*. <https://nhandan.vn/nganh-giao-duc-dat-duoc-nhieu-thanh-tuu-trong-mot-nam-hoc-dac-biet-post622726.html>
- Nguyễn Thanh Tuấn. (2014). *Quyền con người trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay*. Nxb. Lý luận chính trị.
- Nguyễn Văn Bảy. (2021). Thực tiễn sinh động về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam. *Quân đội Nhân dân*. <https://www.qdnd.vn/cuoc-thi-bao-chi-bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang-trong-tinh-hinh-moi/thuc-tien-sinh-dong-ve-quyen-tu-do-tin-nguong-ton-giao-o-viet-nam-665768>
- Nguyễn Văn Bảy. (2021). Thực tiễn sinh động về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam. *Quân đội Nhân dân*. <https://www.qdnd.vn/cuoc-thi-bao-chi-bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang-trong-tinh-hinh-moi/thuc-tien-sinh-dong-ve-quyen-tu-do-tin-nguong-ton-giao-o-viet-nam-665768>
- Nguyễn Thị Hương Giang, Nguyễn Thị Thu. (09/9/2022). Sử dụng mạng xã hội trong truyền thông chính trị ở Việt Nam. *Tạp chí điện tử Lý luận chính trị*. <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/dien-dan/item/4465-su-dung-mang-xa-hoi-trong-truyen-thong-chinh-tri-o-viet-nam.html>
- Quốc hội. (2012). *Tuyên ngôn độc lập năm 1945 và các Hiến pháp Việt Nam*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Quốc hội. (2021). *Hiến pháp năm 2013 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục. Thư viện pháp luật*. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-giao-duc-2019-367665.aspx>
- Tổng cục Thống kê. (2022). *Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý III và 9 tháng năm 2022*. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/10/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iii-va-9-thang-nam-2022/>